

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIÁNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản Án số: 26/2022/DS-PT

Ngày: 17-02-2022

V/v tránh chấp: “Quyền sử dụng  
đất và bồi thường thiệt hại do tài  
sản bị xâm phạm”

**NHÂN DÁN  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIÁNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đạt

*CÁC Thẩm phán:* Ông Võ Ngọc Giàu

Bà Nguyễn Ai Đoán

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa Án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Thánh Quảng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa Án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm C3 khai vụ Án thụ lý số: 154/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tránh chấp “Đòi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản Án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ Án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1/ Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1948 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Văn A, sinh năm 1955(Vắng mặt);

Địa chỉ: 12/67 Quốc lộ 60, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (chết ngày 12/5/2020)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông A:*

**- Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1957(Vắng mặt).**

- Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1985(Vắng mặt).

- Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991(Vắng mặt).

HKTT: 72/24 đường Nguyễn Thị Th, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

3/ Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang(Vắng mặt).

4/ Nguyễn Văn , sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp 1, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang(Vắng mặt).

5/ Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 257F Đoàn Thị NgH, phường 5, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang(Có mặt).

(Ông Nh, bà Ph, ánh Đ, ông Ph1, ông C ủy quyền cho ông T1)

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1924(Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Xuân Th - Văn phòng luật sư Hoàng Ánh Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang(Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1924 (chết năm 2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nh1:

- Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949(Vắng mặt).

- Nguyễn Văn E, sinh năm 1956(Vắng mặt).

- Nguyễn Thị E1, sinh năm 1958(Vắng mặt).

- Nguyễn Văn R, sinh năm 1959(Vắng mặt).

- Nguyễn Thị P, sinh năm 1965(Vắng mặt).

- Nguyễn Thị Nh2, sinh năm 1968(Vắng mặt).

- Nguyễn Văn Ph2, sinh năm 1967(Vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949(Vắng mặt).

3/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1952 (chết 1992)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà B:

Dương Huy Kh, sinh năm 1969(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thân Đ, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

4/ Nguyễn Văn E, sinh năm 1956(Vắng mặt).

5/ Nguyễn Thị E1, sinh năm 1958(Vắng mặt).

6/ Nguyễn Văn R, sinh năm 1959(Vắng mặt).

7/ Nguyễn Thị P, sinh năm 1965(Vắng mặt).

8/ Nguyễn Thị Nh2, sinh năm 1968(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(bà H1, ông E, bà E1, ông R, bà P, bà Nh2 ủy quyền cho ông Ph1)

9/ Nguyễn Thị A, sinh năm 1953(Vắng mặt);

Cùng cư trú: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

10/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1922 (chết thÁng 11/2019)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bấy:*

- Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1948(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị A, sinh năm 1953(Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

11/ Nguyễn Thị M sinh năm 1942(Vắng mặt);

12/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1962(Vắng mặt);

13/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1966(Vắng mặt);

14/ Nguyễn Thị C1, sinh năm 1968(Vắng mặt);

15/ Nguyễn Thị CE, sinh năm 1971(Vắng mặt);

16/ Nguyễn Văn C2, sinh năm 1973(Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

(bà M, bà S bà N, bà C1, bà CE, ông C2 ủy quyền cho ông T1)

17/ Châu Văn C3, sinh năm 1984(Vắng mặt);

Địa chỉ: khu 3, Thị trấn Mỹ Ph, huyện Tân Phước, Tiền Giang.

18/ Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1973(Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

19/ Nguyễn Thị L1 (chết năm 2013);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L1:

- Nguyễn Văn H2, sinh năm 1924(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Nguyễn Thánh S1, sinh năm 1952(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kh , xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị D, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, ỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị V, sinh năm 1960(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị H3, sinh năm 1962(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Văn N, sinh năm 1967(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Trung A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị H4, sinh năm 1971(Vắng mặt).

Địa chỉ: 571/4 đường C M, phường 15, Q 10, TP HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972 (Có mặt)

- Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1975(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền Ánh T2, chị Thắng: Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1981(Có mặt);

Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị Ngh, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

20/ Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo pháp luật :Ông Huỳnh văn Bé H5 –Chủ tịch (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CA, thị trấn Tân H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Án sơ thẩm, cAc đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Ph1, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T1 trình bày: ông nội cAc ông là cụ Nguyễn Văn B chết năm 1941, bà nội là cụ Phạm Thị C4 chết năm 1966. Cụ C4 và cụ B có 05 người con gồm: Nguyễn Văn Th (chết năm 1986, có vợ là Nguyễn Thị Nh có 09 người con gồm Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn E, Nguyễn Thị Ê, Nguyễn Văn Rê, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Nh2, Nguyễn Văn Ph1 và Nguyễn Thị H (chết)); Nguyễn Văn K (chết năm 1963, có vợ là Nguyễn Thị B và 03 người con gồm Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị A); Nguyễn Thị Q (chết); Nguyễn Văn H2; Nguyễn Văn U (chết năm 1973 có vợ là Nguyễn Thị M và 07 người con gồm: Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị CE, Nguyễn Văn C3.

Lúc còn sống cụ B và cụ C4 đã phân chia đất cho cAc con xong, còn lại 3750m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 960 tờ bản đồ số 01 nằm trong diện tích 182.095m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1431 tờ bản đồ số 01R, mục kê là đất hoang không chia cho cAc con mà để làm thổ mộ cho dòng họ, lúc bà nội chết đất này là đất gò chỉ có trâm bầu mọc. Khi bà nội cAc ánh chết có chôn trên phần đất này, từ năm 1993 đến nay cAc con chAu đem về phần đất này chôn. Hiện nay có 07 ngôi mộ. Sau khi bà nội cAc ánh chết ông Th quản lý. Năm 1986 ông Th chết, đất này để làm thổ mộ không ai quản lý. Đến năm 1997, ông H2 đi kê khai đăng ký, con chAu cụ C4 và cụ B không ai biết, ông H2 cũng không cánh tAc. Đến năm 1998 ông H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mục đích đất sử dụng hiện nay vẫn còn đất nghĩa địa. Nay cAc ánh yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả lại diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>) để làm đất nghĩa địa chung cho hàng thừa kế của cụ C4 và cụ B, cAc ánh và ông H2 cùng đứng tên, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H2 yêu cầu cAc ánh bồi thường số tiền 13.500.000 đồng mà ông H2 đã trả cho chủ xe Kober do ông H2 thuê sáng lấp mặt bằng phần đất nêu trên, nhưng do có tranh chấp không thi C3 được. Nay cAc ánh không đồng ý bồi thường vì đất này của ông bà nội cAc ánh để làm đất thổ mộ.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2020 bà Nguyễn Thị Thu Ph, ánh Nguyễn Hữu Đ, ánh Nguyễn Hữu T là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả lại diện tích đất là 3.750m<sup>2</sup> tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang để cAc nguyên đơn và ông H2 cùng đứng tên diện tích đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày: Cha ông là cụ Nguyễn Văn B chết năm 1941, mẹ là cụ Phạm Thị C4 chết năm 1966, có 05 người con chết 01 người không có chồng con theo nguyên đơn trình bày là đúng. Lúc cha mẹ còn sống đã phân chia đất cho cAc con xong.

Chia cho Nguyễn Văn Th 13.000m<sup>2</sup> đất lúa và đất gò

Chia cho Nguyễn Văn K 13.000m<sup>2</sup> đất ruộng và 3.000m<sup>2</sup> đất gò.

Chia cho ông là Nguyễn Văn H2 6.444m<sup>2</sup> đất ruộng và 3.750m<sup>2</sup> đất gò.

Chia cho ông Nguyễn Văn U 11.000m<sup>2</sup> đất ruộng.

Trong phần đất chia cho ông có 3.750m<sup>2</sup> đất hiện đang tránh chấp tọa lạc tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Phần đất này ông được mẹ ông cho từ năm 1965, ông có cho ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn K mượn phần đất ruộng, còn phần đất gò để đó chưa sử dụng. Năm 1966, mẹ ông chết, do nước lụt không có chỗ chôn nên ông đem về lập mộ trên phần đất này. Từ đó, ông có cho ánh em lập thêm 06 ngôi mộ nữa, diện tích đất còn lại là trồng tràm bầu. Năm 1985 ông lấy lại phần đất ruộng, đến năm 1997 ông mới kê khai đăng ký phần đất ruộng 6.444m<sup>2</sup>, phần đất gò 3.750m<sup>2</sup>, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994 là phần đất khAc. Trong đơn đăng ký ông xin đăng ký là đất “2 lúa” nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đất chuyên dùng khAc “CDK”. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Do đất ông bị gò trũng không sán lấp bằng thủ C3 được, ông có kêu mAy sán lấp mặt bằng nhưng ít quA mAy không làm. Năm 2010 có người xung quanh sán lấp mặt bằng, ông có kêu ánh Châu Văn C3 sán lấp thì cAc nguyên đơn ngăn cản nên ông có bồi thường thiệt hại cho ánh C3 số tiền 13.500.000đồng. Nay qua yêu cầu cAc nguyên đơn ông không đồng ý vì đất này là đất của ông. Ông yêu cầu cAc nguyên đơn bồi thường thiệt hại là 13.500.000đồng mà cAc nguyên đơn ngăn cản không cho ông sán lấp mặt bằng, ông phải bồi thường cho ánh Châu Văn C3.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ánh Châu Văn C3 trình bày: Ngày 26/4/2010 ông Nguyễn Văn H2 có thuê ánh để thi C3 sán lấp mặt bằng trên diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> đất gò của ông H2 tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khi ánh đăng thi C3 thì có 05 người chAu của ông H2, ánh không rõ họ tên đến ngăn cản không cho ánh thi C3 nên ánh không thể tiếp tục thi C3 được, ánh có yêu cầu ông H2 bồi thường ánh số tiền 13.500.000đồng có sự chứng kiến của chính quyền ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H2, ba mẹ chồng bà có tổng diện tích đất 43.444m<sup>2</sup> đất ruộng và 11.750m<sup>2</sup> đất gò tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1985 mẹ chồng đã phân chia hết cho 04 người con.

Chia cho Nguyễn Văn Th 13.000m<sup>2</sup> đất lúa và 5.000m<sup>2</sup> đất gò.

Chia cho Nguyễn Văn K 13.000m<sup>2</sup> đất ruộng và 3.000m<sup>2</sup> đất gò.

Chia cho Nguyễn Văn H2 6.444m<sup>2</sup> đất ruộng và 3.750m<sup>2</sup> đất gò

Chia cho ông Nguyễn Văn U 11.000m<sup>2</sup> đất ruộng.

Năm 1966 mẹ chồng chết, phần đất mồ mã của dòng tộc cAch đó 100m<sup>2</sup> bị nước ngập không chôn được nên chồng bà mới đưa mẹ chồng bà về chôn trên phần đất của gia đình bà. Sau đó, chồng bà sợ mẹ chồng bà nằm mồ côi nên chồng bà có cho con chAu đem về chôn gần mẹ chồng thêm 06 phần mồ nữa.

Năm 1998, sau khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này bị gò trũng, kêu kober lại sán lấp họ chê ít không làm. Đến năm 2010 có người trong ấp kêu kober sán lấp mặt bằng thì chồng bà có kêu sán lấp phần đất gò thì bị cAc chAu bên chồng ngăn cản, chồng bà phải bồi thường cho chủ mAy là 13.500.000đồng.

Chị Nguyễn Thị Th, ánh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Th2 và chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: CAc ánh chị là con và dâu của ông Nguyễn Văn H2, cAc ánh chị được biết phần đất ruộng 6.444m<sup>2</sup> và 3.750m<sup>2</sup> đất gò, H1 phần đất này nằm liền kề nhau của bà nội cho ba ánh chị từ năm 1965. Do vùng đất này bị nhiễm phèn, làm lúa năng suất thấp nên năm 1994 ba ánh chị không có kê khai đăng ký. Đến năm 1997 nhà nước thông bAo ai còn đất hoang chưa kê khai thì kê khai, ba cAc ánh chị mới đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó đến nay. Năm 1966 lúc bà nội chết phần đất thổ mộ của dòng tộc cAch đất gia đình ánh chị khoảng 100m bị nước ngập lụt không chôn được nên cha cAc ánh chị đem bà nội về chôn trên đất gia đình ánh chị. Sau đó cha ánh chị sợ bà nội nằm một mình mồ côi nên cha ánh chị có cho con chAu bên nội đem về chôn gần mộ nội thêm 06 ngôi mồ nữa. Năm 1998, sau khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này bị gò trũng nên kêu kober sáng lấp nhưng họ chê ít không làm. Đến năm 2010 có người trong ấp kêu kober sáng lấp thì cha ánh chị có kêu sán lấp phần đất gò thì bị cAc chAu bên nội ngăn cản nên ba ánh chị phải bồi thường cho chủ mAy 13.500.000đồng.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành trình bày: Theo hồ sơ mục kê 299 thì phần đất tránh chấp là 01 phần của thửa 1431 diện tích 182.095m<sup>2</sup> tờ bản đồ 01R loại đất hoang, đất tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm số 628/GCNQSDĐ ngày 04/4/1994 cấp cho ông Nguyễn Văn H2 chưa tAch thửa 1431 nên chỉ có 04 thửa.

Theo hồ sơ tỉ lệ 1/5000 phần đất tránh chấp là thửa 960 tờ bản đồ số 1 loại đất ND diện tích 3.750m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 ngày 05/5/1998 theo quyết định số 623/QĐ-UB ngày 05/5/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, 05 thửa là thửa 960 và 01 thửa theo giấy tạm. Phần đất do ông Nguyễn Văn H2 quản lý sử dụng từ trước đến khi được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 ngày 05/5/1998. Đồng thời ông H2 có C3 khai phá từ đất hoang thành đất lúa (có sửa chữa) theo đơn đăng ký ngày 15/02/1997 nhưng sổ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức ghi đất ND (đất nghĩa địa)

Tại bản Án số 305/2013/DS-ST ngày 20/8/2013 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cAc đồng nguyên đơn đòi ông Nguyễn Văn H2 trả lại 3.750m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 960, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện do ông H2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2, buộc ông Nh, ông A, ông Ph1, ông C, ông T1 liên đới bồi thường cho ông H2 số tiền 13.500.000đồng.

Ngoài ra Tòa Án cấp sơ thẩm còn quyết định về Án phí, quyền khÁng cAo.

Ngày 28/8/2013, ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Ph1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 có đơn khÁng cAo yêu cầu Tòa Án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cAc ông.

Tại bản Án dân sự phúc thẩm số 65/2014/DS-PT ngày 13/02/2014, Tòa Án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Chấp nhận khÁng cAo của cAc nguyên đơn, sửa Án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cAc đồng nguyên đơn, buộc ông Nguyễn văn H2 trả lại 3.750m<sup>2</sup> đất cho hàng thừa kế của cụ Nguyễn văn B và cụ Phan thị C4 dùng làm đất nghĩa địa, nghĩa trang cho dòng họ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H2 về việc yêu cầu cAc nguyên đơn trả 13.500.000đồng tiền bồi thường thiệt hại hợp đồng sản lắp mặt bằng.

Ngoài ra Án phúc thẩm còn quyết định về phần Án phí.

Ngày 02/4/2014 ông Nguyễn Văn H2 có đơn đề nghị giAm đốc thẩm xem xét lại bản Án phúc thẩm vì Tòa Án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không căn cứ vào chứng cứ để xét xử, không chấp nhận yêu cầu của ông về việc bồi thường số tiền 13.500.000đồng là thiệt hại đến quyền lợi của ông.

Ngày 17/3/2015, Viện kiểm sAt nhân dân tối cao có khÁng nghị số 14/2015/KN-DS đối với bản Án số 65/2014/DS-PT ngày 13/02/2014 của Tòa Án nhân dân tỉnh tiền Giang đề nghị Ủy bán thẩm phÁN Tòa Án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận khÁng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sAt nhân dân tối cao, hủy bản Án sơ thẩm và phúc thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa Án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại quyết định giAm đốc thẩm số 79/2016/DS-GĐT ngày 27/5/2016 của Ủy bán thẩm phÁN Tòa Án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: “...Năm 1997, ông H2 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có ý kiến. Do đó, Phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H2. CAc nguyên đơn yêu cầu ông H2 trả lại phần đất trên và ngăn chặn không cho xe vào sản lắp mặt bằng phần đất này của ông H2 là trÁi phÁp luật nên ông H2 đòi cAc nguyên đơn phải trả số tiền

*13.500.000đồng bồi thường hợp đồng thuê xe là có cơ sở. Tòa Án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của cAc nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông H2 là có căn cứ... ”Từ đó Quyết định:*

Chấp nhận kháng nghị số 14/2015/KN-DS ngày 17/3/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với bản Án dân sự phúc thẩm số 65/2014/DS-PT ngày 13/02/2014 của Tòa Án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Hủy bản Án dân sự phúc thẩm nêu trên và bản Án dân sự sơ thẩm số 305/2013/DS-ST ngày 20/8/2013 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành.

Giao hồ sơ vụ Án cho Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản Án dân sự sơ thẩm số 72/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; *Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 604, 605, 608 Bộ luật dân sự năm 2005;* Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa Án.

#### Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả lại diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>) thửa đất số 960, tờ bản đồ số 1 tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Nguyễn văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998 để làm đất thổ mộ cho dòng họ thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị C4 để cho cAc ánh và ông Nguyễn Văn H2 cùng đứng tên chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998 do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H2 giữ nguyên hiện trạng 08 ngôi mộ trên diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>) thửa đất số 960, tờ bản đồ số 1 tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Nguyễn văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H2

Buộc cAc ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền 13.500.000đồng. Thực hiện khi Án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H2 có đơn yêu cầu Thi hành Án nếu ông Nh, ông Ph1, ông C, ông T1 chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả T1ong ứng với thời gián chậm trả. Lãi suất phAt sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu ông Nguyễn Văn A liên đới cùng ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 bồi thường số tiền 13.500.000đồng.

Ngoài ra bản Án còn tuyên về Án phí và quyền khÁng cAo của đương sự.

Ngày 17/3/2021 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn khÁng cAo với nội dung yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận đơn khÁng cAo và hủy bỏ T2 bộ giấy tờ đã cấp cho ông H2 đứng tên, buộc ông H2 phải trả lại thửa đất 960, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.750 m<sup>2</sup> để làm đất nghĩa địa, nghĩa trang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khÁng cAo. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố. CAC đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết T2 bộ vụ Án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp phAp của bị đơn trình bày lý lẽ bảo vệ cho bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã có văn bản khẳng định việc cấp đất cho ông H2 là đúng, ông H2 có được đất là do cha mẹ để lại từ năm 1965; Thửa đất tránh chấp số 960 là của ông H2 nhưng cAc nguyên đơn đứng ra tránh chấp làm cho ông H2 phải bồi thường hợp đồng cho Kober sản lập với số tiền 13.500.000đồng. Biên bản của C3 án xã Tam H cũng đã ghi nhận ý kiến của cAc bên về việc bồi thường số tiền 13.500.000 đồng, sau khi tòa Án xét xử. Mặc khAc, quA trình khiếu nại của ông H2 đã được Tòa Án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh chấp nhận đơn khiếu nại của ông H2 đã nhận định “không có căn cứ để xAc định đất dùng làm nghĩa trang”. Xét bản Án sơ thẩm đã xét xử ngày 04/03/2021 là có căn cứ đúng phAp luật, khÁng cAo của cAc nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Án sơ thẩm.

Ý kiến phAt biểu của đại diện Viện kiểm sAt nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của phAp luật về tố tụng dân sự tại Tòa Án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ Án: Phần đất tránh chấp là thửa đất số 960 cấp ngày 05/5/1998 cho ông H2, cAc đương sự cùng thừa nhận có nguồn gốc của Cụ B, Cụ C4 để lại. CAC nguyên đơn cho rằng đất dùng làm nghĩa trang gia tộc. Xét thấy, cAc nguyên đơn không có chứng cứ gì chứng minh phần đất có diện tích 3.750m<sup>2</sup> là phần đất dùng làm thổ mộ gia tộc, không có văn bản nào thể hiện giao cho ai là người quản lý, bị đơn cũng không thừa nhận. Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cũng có văn bản cho rằng năm

1997 có thi C3 đo đạc cấp giấy đồng loạt và ghi trong đơn “2L”, trên giấy đất ghi “CDK” là khi nhập dữ liệu có sai sót. CAc nguyên đơn cho rằng đất nghĩa địa là không đúng. Năm 1997 ông H2 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tránh chấp, nên xét yêu cầu khởi kiện của cAc nguyên đơn là không có cơ sở; Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, xét biên bản ngưng thi C3 của Ủy ban nhân dân xã tam H thì ông H2 yêu cầu phản tố là đúng qui định pháp luật và Án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên, bản Án sơ thẩm đã căn cứ vào việc rút yêu cầu phản tố đối với ông A (đã chết) và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này là không đúng với qui định tại Điều 597 của Bộ luật dân sự. Nên cần xem xét phần nghĩa vụ của mỗi nguyên đơn T1 ông đương với 1/5 của số tiền 13.500.000 đồng và chưa được cung cấp chứng cứ và chưa được làm rõ mức độ thiệt hại ở giai đoạn sơ thẩm. Tòa Án sơ thẩm căn cứ vào văn bản thỏa thuận giữa ông H2- ông C3 để xác định mức độ thiệt hại là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản Án sơ thẩm về yêu cầu phản tố của bị đơn.

Qua nghiên cứu T2 bộ cAc tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ Án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của cAc đương sự và kết quả tránh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Tòa Án sơ thẩm xác định quán hệ tránh chấp “Quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T1 là người được cAc nguyên đơn ủy quyền kháng cáo bản Án sơ thẩm trong thời hạn luật định, ông T1 nộp tạm ứng Án phí phúc thẩm theo qui định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt của ông Nguyễn Văn T1 là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của cAc nguyên đơn, có mặt anh Nguyễn Hoàng A1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn và gia đình của bị đơn. CAc đương sự còn lại là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa. Tòa Án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ Án vắng mặt những người có liên quan theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đại diện của ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Tòa Án xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện, tài sản tránh chấp là phần đất có diện tích 3.750m<sup>2</sup> thuộc thửa 960, tờ bản đồ số 1 tại ấp 2, xã

Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 05/5/1998, có diện tích đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>. CAc đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị C4. Theo cAc nguyên đơn thì sau khi phân chia đất xong cho cAc con, diện tích này cụ B và cụ C4 không chia mà để lại làm đất thổ mộ cho dòng họ, khi cụ C4 chết có chôn trên đất này và cAc con chAu chết có đem về phần đất này để chôn. Năm 2010 khi ông Nguyễn Văn H2 kêu Kobe đến sân lấp mặt bằng thì cAc nguyên đơn mới biết ông H2 đã kê khai đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998 nên nay yêu cầu ông H2 trả lại diện tích 3.750m<sup>2</sup> để làm thổ mộ chung cho dòng họ và yêu cầu được cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía bị đơn cho rằng đất ông đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý yêu cầu của cAc nguyên đơn, đồng thời yêu cầu cAc nguyên đơn bồi thường số tiền 13.500.000đồng. Sau khi tòa Án sơ thẩm xét xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông Nguyễn Văn T1 là nguyên đơn đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cAo bản Án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cAo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị C4. Vấn đề này được cAc bên đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết quyết vụ Án. CAc nguyên đơn cho rằng cụ B, cụ C4 để lại phần đất này để làm đất nghĩa trang cho thân tộc, bị đơn thì cho rằng được cha mẹ (cụ B, cụ C4) cho vào năm 1965 và cánh tAc sử dụng cho đến nay. Trên phần đất này có 01 cAi gò cao nên ông H2 đem mẹ (bà C4) về chôn trên đất này, qua nhiều năm thì con chAu mất cũng chôn trên khu vực này nên có số mộ như hôm nay. Căn cứ vào hồ sơ cấp đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn H2 thì thấy rằng, tại đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi ngày 15/12/1997 (bút lục số 13) thì thửa 960, diện tích 3.750m<sup>2</sup> ghi mục đích sử dụng “2L”. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/1998 do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên (bút lục 02) thì ghi mục đích sử dụng là “CDK”. CAc nguyên đơn kháng cAo cho rằng thửa đất tranh chấp đã được cAc cơ quan gồm: Sở tài nguyên – Môi trường – Trung tâm C3 nghệ thông tin; Phòng Tài nguyên và môi trường – Văn phòng đăng ký đất đai; Ủy ban nhân dân xã và 07 người dân ở địa phương cùng xAc nhận đây là đất nghĩa địa - nghĩa trang. Xét thấy, vụ Án này đã được xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nhiều lần, sau đó thì Ủy ban thẩm phán Tòa Án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định giAm đốc thẩm số 79/2016 ngày 27/5/2016 tuyên hủy bản Án dân sự phúc thẩm số 65/2014/DS-PT ngày 13/02/2014, Tòa Án nhân dân tỉnh Tiền Giang, hủy bản Án số 305/2013/DS-ST ngày 20/8/2013 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thẩm quyền. Qua trình giải quyết vụ Án sơ thẩm, Tòa Án đã bán hành nhiều văn bản thu thập chứng cứ để làm rõ phần đất tranh chấp có mục đích sử dụng là loại đất gì để giải quyết vụ Án. Qua trình thu thập chứng cứ đã thể hiện, tại C3 văn số 70

ngày 22/4/2013 (bút lục số 156) đã xAc định “... Việc trên đơn đề nghị cấp giấy của ông H2 ghi là đất “2LUA” nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi mục đích sử dụng là “Chuyên dùng khAc” là trong quA trình nhập dữ liệu in giấy chứng nhận đã ghi sai mục đích sử dụng. Việc quản lý và xAc định nguồn gốc, quA trình sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã..”. Tại C3 văn số 10/CV ngày 06/6/2013 (Bút lục 161) của Ủy Ban nhân dân xã Tam H trả lời “... Phần đất thửa đất số 960, TĐĐ 01 diện tích 3.750m<sup>2</sup>, theo hồ sơ 299 là một phần thửa đất 1431, TĐĐ01R diện tích 182.095m<sup>2</sup>, là đất “Hoáng” tập trung chưa khai phá. Đến khoản năm 1995-1996 đoàn đo đạc Án Giáng mới thực hiện đo đạc tAch ra, năm 1997-1998 có chủ trương đăng ký cấp đại trà, ông Nguyễn Văn H2 làm đơn xin đăng ký đất trồng lúa để ông khai hoáng và được hội đồng đăng ký chấp nhận do hiện trạng trên đất này khoảng từ 06 đến 08 cAi mô. Việc trên hồ sơ địa chính ghi “ND”, còn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi “CDK” nguyên nhân do đoàn đo đạc Án Giáng nhập dữ liệu sai ..”. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, phần đất tránh chấp trước đây là đất hoáng, đến năm 1997 ông H2 kê khai xin cấp giấy đất là đất lúa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi “CDK” là do nhập dữ liệu sai. Do đó, có cơ sở xAc định phần đất tránh chấp tại thửa đất 960, diện tích 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 4.000,8m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cụ B, cụ C4 từ trước năm 1965, nhưng qua thời gián dài là đất hoáng hóa không ai kê khai sử dụng đất. Năm 1997 thì ông H2 kê khai đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời ông Hưu cánh tAc sử dụng cho đến nay. QuA trình ông H2 kê khai đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không ai tránh chấp phần diện tích đất này. Cho nên, phần đất tránh chấp tại thửa đất số 960 là thuộc quyền sử dụng của ông H2, đồng thời ông H2 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định. Xét nội dung bản Án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cAc nguyên đơn là có căn cứ, đúng phAp luật. Ông T1 đại diện cho cAc nguyên đơn khÁng cAo cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cAc nguyên đơn về việc đòi bị đơn phải trả lại phần đất tránh chấp tại thửa đất 960, diện tích 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 4.000,8m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[3.1] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi cAc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 13.500.000đồng. QuA trình giải quyết vụ Án ở giai đoạn sơ thẩm thì ông Nguyễn Văn A (chết) nên bị đơn yêu cầu cAc nguyên đơn gồm Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T1 liên đới bồi thường số tiền trên. Xét thấy, tại biên bản ngưng thi C3 do trưởng C3 án xã Tam H lập lúc 09 giờ 45 phút ngày 26/01/2010 có ghi nhận ý kiến của cAc bên đương sự như sau “...Đề nghị ông Nguyễn Văn H2 ngưng thi C3, sán lấp mặt bằng phần đất đáng có đơn khiếu nại tránh chấp chờ xAc minh giải quyết và yêu cầu ông Châu Văn C3 chủ mAy Kôbe sán lấp mặt bằng ngưng hoạt động sán lấp chờ xAc minh giải quyết của cAc cấp. Nếu ai cố

*tình vi phạm thì xử lý theo pháp luật, còn riêng sau này các cấp giải quyết bên nào được sử dụng đất phần đất tránh chấp trên thì bên không được sử dụng phần đất tránh chấp trên thì mọi chi phí phải chịu hoàn T2...”*. Biên bản này lập có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và các bên ký tên (bút lục 09-10). Sau đó ông H2 có bồi thường cho ông C3 (chủ Kobe) số tiền 13.500.000đồng, có lập thành văn bản và có sự chứng kiến của chính quyền địa phương (bút lục 11-12). Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định ông H2 đã bồi thường hợp đồng cho ông C3 số tiền 13.500.000đồng là thực tế có xảy ra. Do đó, Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy Án do chưa thu thập chứng cứ đầy đủ với số tiền thiệt hại 13.500.000đồng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Xét nội dung bản Án sơ thẩm đã xét xử, buộc các nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền 13.500.000đồng. Thực hiện khi Án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Từ các căn cứ phân tích như trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản Án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự .

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc đòi quyền sử dụng đất là thửa đất số 960. Riêng đối với việc Kiểm sát viên đề nghị hủy Án sơ thẩm do chưa thu thập chứng cứ về mức độ thiệt hại tài sản với số tiền 13.500.000đồng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về Án phí: Vụ Án được thụ lý lần đầu ngày 15/4/2011 nên căn cứ khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được thực hiện theo qui định tại quy định của Pháp lệnh Án phí, lệ phí tòa Án năm 2009. Do đó, các nguyên đơn phải liên đới chịu 200.000đồng Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa chấp nhận; ông Nh, ông Ph1, ông C và ông T1 liên đới chịu số tiền Án phí dân sự sơ thẩm (13.500.000đồng x 5% ) = 675.000 đồng.

Các nguyên đơn phải chịu 300.000đồng Án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng Án phí do ông T1 nộp theo biên lai

thu số 0004058 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành Án dân sự huyện Châu Thành xem như thi hành xong phần Án phí dân sự phúc thẩm.

Vì cAc lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điều 136 luật đất đai năm 2003; điều 604, 605, 608 bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa Án .

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn gồm ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Hữu T do ông Nguyễn Văn T1 làm đại diện. Giữ nguyên bản Án dân sự sơ thẩm số 72/0201/DS-ST ngày 04/3/2021 của Tòa Án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả lại diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>) thửa đất số 960, tờ bản đồ số 1 tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Nguyễn văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998 để làm đất thổ mộ cho dòng họ thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn B và cụ Phạm Thị C4 để cho các nguyên đơn và ông Nguyễn Văn H2 cùng đứng tên chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998 do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H2 giữ nguyên hiện trạng 08 ngôi mộ trên diện tích đất 3.750m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4000,8m<sup>2</sup>) thửa đất số 960, tờ bản đồ số 1 tại ấp 2, xã Tam H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Nguyễn văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01629 QSDĐ/TH ngày 05/5/1998.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H2

-Buộc các ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền 13.500.000đồng. Thực hiện khi Án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày ông H2 có đơn yêu cầu Thi hành Án nếu ông Nh, ông Ph1, ông C, ông T1 chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả T1ong ứng với thời gián chậm trả. Lãi suất phAt sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu ông Nguyễn Văn A liên đới cùng ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Văn Ph1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T1 bồi thường số tiền 13.500.000đồng.

#### 6. Về Án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: CAc nguyên đơn phải chịu 300.000đồng Án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng Án phí do ông T1 nộp theo biên lai thu số 0004058 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành Án dân sự huyện Châu Thành xem như thi hành xong phần Án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn Ph1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm bà Nguyễn Thị Thu Ph, ánh Nguyễn Hữu Đ, ánh Nguyễn Hữu T liên đới chịu 200.000đồng Án phí; Ông Nguyễn Văn Nh, ông Nguyễn Văn Ph1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T1 liên đới chịu 675.000 đồng Án phí.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền 875.000 đồng theo cAc biên lai thu số0003395 ngày 29/5/2014 và số 0001107 ngày 27/6/2014 của Chi cục thi hành Án dân sựhuyện Châu Thành.

Trường hợp bản Án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành Án dân sự thì người được thi hành Án dân sự, người phải thi hành Án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành Án, quyền yêu cầu thi hành Án, tự nguyện thi hành Án hoặc bị C4 chế thi hành Án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành Án dân sự; thời hiệu thi hành Án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành Án dân sự.

Bản Án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên Án.

Tuyên Án C3 khai lúc 08 giờ 20 phút, ngày 17/02/2022.

#### Nơi nhận:

- Tòa Án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sAt ND tỉnh TG;
- TÁND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- CAc đương sự;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**

